

CHUẨN HÓA - MỘT VẤN ĐỀ CỐT LÕI TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CỦA CÁC NHÀ NƯỚC HIỆN ĐẠI

LÂM MINH CHÂU*
VŨ THỊ PHỤNG**

Thông qua việc phân tích lý thuyết về “chuẩn hóa” và qua một số ví dụ từ hoạt động quản lý của Nhà nước Việt Nam từ năm 1945 đến nay, bài viết phân tích tầm quan trọng của chuẩn hóa (standardization) trong hoạt động quản lý của các nhà nước hiện đại. Khác với các nhà nước sơ khai, các nhà nước hiện đại phải quản lý một lãnh thổ rộng lớn, một số lượng dân cư đông đảo và rất đa dạng, thông qua các công cụ trung gian gồm bộ máy quan liêu và pháp luật. Việc không chuẩn hóa hoặc chuẩn hóa không đầy đủ những vấn đề liên quan đến “đối tượng quản lý” và “bộ máy, công cụ quản lý” có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả quản lý, làm chệch mục tiêu của quản lý và dẫn đến sự phản ứng của người dân.

Từ khóa: Nhà nước; quản lý; chuẩn hóa; hoạt động quản lý; nhà nước hiện đại.

Through an analysis of the theory of 'standardization' and using several examples from the state management activities of Vietnam from 1945 to the present, this article examines the significance of standardization within the management activities of modern states. Unlike nascent states, modern states are tasked with governing vast territories, and diverse and populous populations, employing intermediary tools such as administrative machinery and laws. The lack of standardization or incomplete standardization concerning the 'management subject' and 'administrative tools and machinery' can significantly impact management efficiency, deviate from management objectives, and lead to public discontent.

Keywords: State; management; standardization; management activities; modern states.

NGÀY NHẬN: 15/11/2023 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 15/12/2023 NGÀY DUYỆT: 15/01/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.336.2024.741>

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các công trình khoa học, cũng như trong ngôn ngữ hằng ngày, chúng ta thường bắt gặp thuật ngữ “nhà nước hiện đại” (modern states). Nhưng thế nào là “một nhà nước hiện đại” và các nhà nước hiện đại khác với các nhà nước sơ khai hay “tiền hiện

đại” (pre-modern states) như thế nào?

Giới khoa học đã tranh luận nhiều năm về câu hỏi này và có nhiều cách phân biệt

* PGS.TS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

** PGS.TS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

khác nhau. Một trong những cách phân biệt phổ biến nhất là dựa vào các tiêu chí cứng. Theo đó, nhà nước hiện đại phải có một số định chế và đặc điểm nhất định, chẳng hạn như: có bộ máy nhà nước, hệ thống pháp luật, một hệ thống ngôn ngữ và chữ viết, có lãnh thổ và biên giới xác định¹.

Cách lý giải trên rất đúng. Tuy nhiên, mới chỉ phân biệt một nhà nước hiện đại với một nhà nước tiền hiện đại thông qua các biểu hiện cụ thể mà chưa chỉ ra điểm khác biệt căn bản giữa hai dạng thức nhà nước đó là gì. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi muốn đưa ra một cách nhìn mang tính khái quát hơn về nhà nước hiện đại và lấy đặc điểm của hoạt động quản lý nhà nước làm tiêu chí căn bản để phân biệt hai dạng thức nhà nước này.

Cách phân biệt sử dụng trong bài viết được phát triển từ nghiên cứu của nhà chính trị học và nhân học người Mỹ, James Scott (năm 1998). Theo đó, hoạt động quản lý của các nhà nước hiện đại có hai đặc trưng quan trọng. *Thứ nhất*, về đối tượng của hoạt động quản lý, các nhà nước hiện đại phải quản lý lãnh thổ và dân số ở quy mô và phạm vi lớn hơn rất nhiều so với các nhà nước tiền hiện đại. *Thứ hai*, về tính chất của hoạt động quản lý, do đối tượng quản lý quá rộng và quá đông, các nhà nước hiện đại về cơ bản không thể áp dụng hình thức quản lý “trực tiếp”, tức là chủ thể quản lý (ví dụ như vua, thủ lĩnh) có thể thường xuyên tiếp xúc và trực tiếp cai quản, giám sát đối tượng quản lý (thần dân) giống như trong các nhà nước tiền hiện đại. Thay vào đó, các nhà nước hiện đại phải quản lý thông qua các cơ chế trung gian, bao gồm bộ máy quan liêu (bureaucrats) và các công cụ quản lý, đặc biệt là hệ thống luật pháp và quy định của Nhà nước². Nếu hiểu theo nghĩa này, các nhà nước thời Hùng Vương hay Âu Lạc ở Việt Nam có thể xếp vào loại hình nhà nước tiền hiện đại (sơ khai), còn các nhà nước như Lý, Trần đã bắt đầu có thể xếp vào loại hình nhà nước hiện đại.

Khi nhìn vào hai đặc điểm trên, có thể thấy rằng, các nhà nước hiện đại phải giải quyết hai thách thức lớn để có thể thực thi hiệu quả hoạt động quản lý của mình.

Thách thức đầu tiên bắt nguồn từ đối tượng của quản lý. Lãnh thổ càng lớn và dân số càng đông thì sự đa dạng càng lớn và hệ quả là việc quản lý càng khó khăn. Trên thực tế, các nhà nước hiện đại đều được hình thành trên cơ sở cộng gộp và thâu tóm các vùng đất và các tộc người rất khác nhau về kinh tế, thể chế chính trị, tiếng nói, chữ viết, hệ thống đo lường và luật pháp. Để quản lý hiệu quả một tập hợp cư dân đa dạng như vậy là một thách thức to lớn với bất kỳ một nhà nước nào. Thủ tướng tượng, hoàng đế của một quốc gia vừa mới hình thành trên cơ sở thống nhất lãnh thổ từ năm tiểu quốc nhỏ. Khó khăn lớn nhất mà ông ta gặp phải khi bắt tay vào quản lý nó là gì? Đó là các tiểu quốc này rất khác nhau về ngôn ngữ, văn hóa, pháp luật. Trong vương quốc mới hình thành, người dân nói năm ngôn ngữ khác nhau, sử dụng năm hệ đo lường khác nhau và năm hệ thống luật lệ khác nhau. Nhà vua muốn tuyên cáo một chính sách cho người dân, nhưng nếu chính sách này được soạn thảo và ban bố bằng ngôn ngữ của một trong năm tiểu quốc thì phần lớn người dân thuộc bốn tiểu quốc còn lại sẽ không hiểu được và do đó không làm theo chính sách mới. Hoặc, để tất cả người dân trong nước hiểu được, nhà vua sẽ cần ban hành văn bản bằng năm thứ tiếng khác nhau, tạo ra một hệ thống quản lý công kênh và phức tạp.

Thách thức thứ hai liên quan đến tính chất của hoạt động quản lý. Như đã nói ở trên, các nhà nước hiện đại về cơ bản không thể quản lý “trực tiếp”, mà phải quản lý thông qua các cơ chế trung gian gồm bộ máy quan liêu, luật pháp và các quy định khác. Điều này đặt ra một vấn đề lớn đối với nhà nước: đó là phải bảo đảm rằng việc quản lý được thực hiện một cách thống nhất từ trên xuống dưới, hay nói cách khác là các mục

tiêu quản lý mà nhà nước trung ương đặt ra được triển khai một cách nhất quán, không bị làm sai lệch hoặc triển khai không đầy đủ trong quá trình thực hiện bởi các cấp trung gian trong hệ thống quan liêu. Ví dụ, nhà nước dùng pháp luật để quản lý người dân và định hướng hành động của họ theo cách mà nhà nước mong muốn. Quan điểm của nhà nước là các hình phạt đối với tội ăn cắp phải vừa bảo đảm tính răn đe nhưng đồng thời cũng cho kẻ vi phạm một cơ hội để trở lại làm người dân tích cực. Tuy nhiên, chính quyền các địa phương lại xử tội ăn cắp khác nhau. Có nơi xử quá nặng (chặt tay, thậm chí tử hình), có nơi lại xử quá nhẹ, không đủ sức răn đe. Hệ quả là, bộ máy quan liêu và hệ thống pháp luật không thể thực hiện đầy đủ mục tiêu quản lý của nhà nước nữa.

2. Quản lý trong các nhà nước hiện đại - tầm quan trọng của chuẩn hóa

Vậy các nhà nước hiện đại đã giải quyết hai thách thức trên bằng cách nào? Câu trả lời của James Scott là chuẩn hóa (standardization). Nhà nước hiện đại khác căn bản với các nhà nước tiền hiện đại không phải ở sức mạnh quân sự hay tiềm lực kinh tế, mà ở khả năng đặt ra một hệ thống chuẩn và áp đặt các chuẩn đó trong hoạt động quản lý của nó. Mục tiêu cốt lõi của việc chuẩn hóa là để: (1) biến một lãnh thổ và dân số rộng lớn và cực kỳ đa dạng thành một khối tương đối nhất quán, có thể quản lý bằng một số công cụ thuận tiện cho nhà nước; và (2) Chuẩn hóa chính bản thân hoạt động quản lý của nhà nước, đặc biệt là chuẩn hóa bộ máy và công cụ quản lý, để bảo đảm rằng việc quản lý được thực hiện một cách thống nhất từ trên xuống dưới, hay nói cách khác là các mục tiêu quản lý mà nhà nước trung ương đặt ra được triển khai một cách nhất quán, không bị làm sai lệch hoặc triển khai không đầy đủ trong quá trình thực hiện bởi cấp trung gian.

Nếu nhìn vào quá trình hình thành và phát triển của các nhà nước hiện đại trên thế giới, một điều dễ nhận thấy là khi một nhà

nước hiện đại ra đời, việc đầu tiên mà các lãnh đạo nhà nước, bao gồm các vị quân vương cũng như các chế độ cộng hòa tiến hành, là chuẩn hóa một loạt các vấn đề. Ví dụ, một trong những công việc đầu tiên của các nhà nước hiện đại sau khi thành lập là chuẩn hóa về ngôn ngữ và chữ viết trên toàn quốc. Trong trường hợp vương quốc gồm 5 tiểu quốc như trên, việc đầu tiên của nhà vua sẽ là ấn định một ngôn ngữ, một hệ thống chữ viết chung cho cả năm tiểu quốc. Tương tự như vậy, các nhà nước cũng phải chuẩn hóa hệ thống đo lường. Giả sử nhà vua muốn thu thuế với mức là năm đấu thóc đối với mỗi hộ gia đình. Nhưng nếu mỗi nơi người ta có quan niệm về “cái đấu” khác nhau, nơi cho rằng một đấu bằng 3 kg và có nơi cho rằng một đấu bằng 1 kg, nhân viên thu thuế sẽ trở nên bất lực. Tình trạng này đặt ra yêu cầu là nhà nước phải chuẩn hóa về hệ thống đo lường để áp dụng thống nhất trong cả nước.

Song song với việc chuẩn hóa “đối tượng quản lý”, nhà nước cũng phải chuẩn hóa chính “hoạt động quản lý” của mình. Để làm được điều này, nhà nước phải xây dựng một hệ thống pháp luật chung, thống nhất cho toàn quốc, để tất cả các cấp quản lý phải tuân thủ, nhằm bảo đảm luật pháp được thực thi nhất quán từ trung ương đến địa phương. Nhà nước cũng phải xây dựng các chuẩn đối với đội ngũ cán bộ của nhà nước, để bảo đảm tất cả những người tham gia triển khai hoạt động quản lý đều đáp ứng được các yêu cầu mà nhà nước đặt ra.

Như vậy, cốt lõi của chuẩn hóa là tạo ra sự thống nhất trong hoạt động quản lý. Điều này có ý nghĩa sống còn đối với hoạt động quản lý của một nhà nước hiện đại, giúp nhà nước có thể điều hành được một lãnh thổ rộng lớn và một dân số khổng lồ, vốn hết sức đa dạng và khác biệt, thông qua các cơ chế quản lý trung gian.

Việc “không chuẩn hóa” hoặc “chuẩn hóa không đầy đủ” có thể dẫn đến những hệ lụy

rất nghiêm trọng đối với hoạt động quản lý của nhà nước, ít nhất là trên ba phương diện.

Thứ nhất, việc “không chuẩn hóa” làm giảm hiệu quả của hoạt động quản lý, khiến cho việc quản lý trở nên phức tạp hơn, công kênh hơn, tốn thời gian hơn. Như đã nói ở trên, nếu không chuẩn hóa đối tượng quản lý, thì người dân trong một quốc gia sẽ có thể sử dụng 100 ngôn ngữ khác nhau. Khi đó, các chính sách và mệnh lệnh của nhà nước sẽ không thể tiếp cận được tất cả người dân, hoặc nếu có thì phải được ban hành bằng 100 ngôn ngữ, gây ra rất nhiều khó khăn, tốn kém về thời gian, công sức và tiền bạc.

Thứ hai, việc “không chuẩn hóa” bộ máy và công cụ quản lý có thể khiến hoạt động quản lý đi chệch mục tiêu của nhà nước, hay nói cách khác là không tạo ra được kết quả mà nhà nước mong muốn. Nhà nước muốn hệ thống pháp luật phải vừa nghiêm khắc vừa nhân văn, vừa bảo đảm tính răn đe nhưng đồng thời mở ra một con đường sống và cho kẻ vi phạm một cơ hội để làm lại. Tuy nhiên, nếu không chuẩn hóa hệ thống pháp luật, chính quyền các địa phương sẽ áp dụng các biện pháp xử tội khác nhau. Kết quả là, mục tiêu quản lý của nhà nước không đạt được.

Thứ ba, việc không chuẩn hóa có thể tạo ra sự phản ứng từ phía đối tượng chịu sự quản lý. Nếu “đối tượng quản lý” không được chuẩn hóa, chẳng hạn như nếu người dân trong một nước không được giáo dục để sử dụng một ngôn ngữ chung thống nhất, họ sẽ không tiếp nhận các chính sách mà nhà nước ban hành. Nếu “bộ máy và công cụ quản lý” không được chuẩn hóa, ví dụ như nếu pháp luật không được áp dụng giống nhau thì người dân sẽ cảm thấy bị đối xử bất công và có thể dẫn đến xu hướng không thực hiện theo pháp luật.

Vậy “chuẩn hóa” trong hoạt động quản lý nhà nước gồm những bước nào? Về vấn đề này, có nhiều cách tiếp cận khác nhau:

Một là, thiết lập (xây dựng, ban hành hoặc công bố) hệ thống chuẩn mực ở phạm

vi khác nhau (quốc gia, địa phương, cơ quan), thông qua hệ thống pháp luật và các quy phạm nội bộ của từng cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước.

Hai là, phổ biến, hướng dẫn những chuẩn mực đó đến các đối tượng liên quan (đến người dân, cũng như cán bộ, công chức nhà nước có trách nhiệm thực hiện, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm).

Ba là, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện theo hệ thống chuẩn mực đã ban hành.

Bốn là, điều chỉnh, bổ sung các chuẩn mực khi cần thiết³.

Việc chuẩn hóa trong hoạt động quản lý nhà nước cũng có thể nhóm lại thành hai nhiệm vụ lớn, đó là: (1) Thiết lập chuẩn; (2) Triển khai chuẩn hóa trong thực tế. Mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ này về nhiều mặt có thể nhìn nhận giống như quan hệ giữa lập pháp và hành pháp trong hoạt động quản lý nhà nước.

3. “Chuẩn hóa” trong hoạt động quản lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - một vài nhận xét

Khi nhìn lại quá trình phát triển của nhà nước Việt Nam từ năm 1945 đến nay, có thể nhận thấy chuẩn hóa là vấn đề có ý nghĩa rất lớn trong việc quyết định hiệu quả của quản lý nhà nước. Trong đó có những nhận xét như sau:

Thứ nhất, khẳng định rằng, những người lãnh đạo Nhà nước Việt Nam đã có ý thức về việc chuẩn hóa từ rất sớm. Ví dụ, trên phương diện chuẩn hóa “đối tượng quản lý”, không phải ngẫu nhiên mà một trong những chính sách then chốt đầu tiên của chính quyền cách mạng sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được thành lập là bình dân học vụ. Ngoài mục tiêu nâng cao dân trí, chính sách này còn có một ý nghĩa quan trọng trên phương diện chuẩn hóa, đó là bảo đảm rằng, tất cả mấy chục triệu quốc dân đồng bào đều có khả năng sử dụng tiếng

Việt với tư cách là ngôn ngữ chính thức của đất nước, qua đó có khả năng tiếp nhận các chủ trương, chính sách của Nhà nước một cách đồng đều và thống nhất.

Một ví dụ khác là đo lường. Ngay từ năm 1950, tức là trong giai đoạn ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 08/SL để chuẩn hóa vấn đề đo lường: ấn định các đơn vị đo lường cơ bản, quy định các dụng cụ đo lường bắt buộc phải sử dụng trong các giao dịch và đặc biệt là quy định các hình phạt (chế tài) đối với việc sản xuất các dụng cụ đo lường không tuân theo nguyên tắc chuẩn hóa như trên⁴.

Với chuẩn hóa công tác quản lý, sau khi Cách mạng tháng Tám (năm 1945) thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đã ban hành *Hiến pháp* năm 1946 và hàng loạt các sắc lệnh để tạo thành một hệ thống pháp luật tương đối thống nhất, phục vụ quản lý nhà nước trong giai đoạn đầu hết sức khó khăn. Từ đó đến nay, Nhà nước Việt Nam đã ban hành thêm các bản *Hiến pháp*: 1959, 1992 (sửa đổi năm 2001) và 2013. Cùng với *Hiến pháp*, Nhà nước Việt Nam đã ban hành một hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ, làm cơ sở và bảo đảm tính thống nhất cho hoạt động quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực.

Thứ hai, trải qua gần 80 năm hình thành và phát triển, Nhà nước Việt Nam hiện nay đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên lĩnh vực “thiết lập chuẩn”. Tính đến nay, đã xây dựng được một hệ thống quy định rất chi tiết để chuẩn hóa hoạt động quản lý cũng như đối tượng quản lý, từ các quy trình và nguyên tắc khi xây dựng luật pháp, cho đến các quy định về quản lý giao thông đường bộ, các quy định về phòng cháy, chữa cháy trong các công trình dân dụng, cũng như các quy định về an ninh, an toàn khi xây dựng trường học trên cả nước...

Việc ban hành *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015 có thể coi là

một bước tiến lớn trong việc chuẩn hóa một trong những công cụ quản lý quan trọng nhất của Nhà nước là pháp luật. Khi ban hành bộ luật quan trọng này, mục tiêu của nhà nước là chuẩn hóa và bảo đảm sự thống nhất khi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, về mặt thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục, cùng các vấn đề khác như ngôn ngữ, ký hiệu. Một điểm quan trọng là luật này cũng điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương, bao gồm nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tất cả những yếu tố đó đều nhằm một mục tiêu quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước đã nêu ở phần trên: đó là thống nhất hoạt động và công cụ quản lý từ trên xuống dưới.

Thứ ba, trong khi Nhà nước Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong việc “thiết lập chuẩn” thì công tác triển khai chuẩn hóa trong thực tế vẫn còn nhiều vấn đề cần cải thiện. Điều này thể hiện qua một số vấn đề sau đây:

(1) *Trong hoạt động quản lý nhà nước, đặc biệt là ở các bộ, ngành và địa phương vẫn còn phổ biến tình trạng có “chuẩn”, nhưng “chuẩn” lại không được thực thi một cách đầy đủ và thực chất.* Chẳng hạn, *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015 quy định cụ thể các bước trong quy trình ban hành văn bản, mà một trong số đó là phải lấy ý kiến từ các đối tượng liên quan để bảo đảm các văn bản được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế và có tính khả thi. Tuy nhiên, một bài viết trên cổng thông tin điện tử của Quốc hội Việt Nam, dẫn ý kiến của Bộ Tư pháp và một số đại biểu Quốc hội, cho rằng “cách thức lấy ý kiến chỉ chủ yếu được thực hiện thông qua việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương, ít khi thông qua hình thức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng. Đặc biệt, hình thức đối thoại trực tiếp về chính

sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết với đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản chưa được các tỉnh, thành phố áp dụng trên thực tế”⁵. Việc tuân thủ không đầy đủ này có nhiều hệ quả mà một trong những hệ quả chính là nhiều quy định trong văn bản pháp luật còn xa rời thực tế, không phù hợp, thiếu tính khả thi.

(2) *Việc áp dụng chế tài đối với hành vi không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các yêu cầu chuẩn hóa của Nhà nước còn chưa nghiêm.* Hiện nay, các chế tài hành chính, chế tài kỷ luật trong nhiều trường hợp còn chưa được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật và quy phạm nội bộ. Trong trường hợp có quy định, các quy định thường được xây dựng theo công thức là “những hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành” nhưng không xác định cụ thể sẽ xử lý theo quy định nào và ra sao. Trên thực tế, có nhiều quy định đã được Nhà nước và các cơ quan ban hành từ lâu nhưng vẫn chưa được thực hiện tốt và cũng chưa có tổ chức, cá nhân nào bị xử lý. Chính vì vậy, một số chuẩn mực vẫn chỉ tồn tại trên văn bản. Chẳng hạn, Việt Nam có các quy định rất chi tiết về tiêu chuẩn phòng cháy, chữa cháy trong các công trình dân dụng nhưng việc vi phạm các tiêu chuẩn này rất phổ biến và hiếm khi bị xử phạt. Tương tự như vậy, Việt Nam cũng có quy định chi tiết về việc định biên số lượng cán bộ trong các cơ quan nhà nước, chẳng hạn như số lượng cán bộ tối thiểu trong một đơn vị cấp phòng. Tuy nhiên, không khó để bắt gặp tình trạng các đơn vị cấp phòng với số lượng cán bộ thấp hơn nhiều so với quy định mà không bị bất kỳ hình thức xử lý nào.

(3) *Việc phổ biến, hướng dẫn các chuẩn mực (văn bản pháp luật và quy phạm nội bộ) đến đối tượng quản lý còn chưa được quan tâm đúng mức.* Ví dụ, hệ thống pháp luật ở Việt Nam nói chung và trong từng lĩnh vực nói riêng đã được ban hành tương đối đầy

đủ, nhưng việc thực hiện trong thực tiễn vẫn chưa thật tốt. Vậy nguyên nhân ở đâu? Nhiều nghiên cứu đã phân tích và chỉ ra một nguyên nhân quan trọng là do việc phổ biến và hướng dẫn chưa hiệu quả; chưa đạt tới mức các đối tượng liên quan thấu hiểu, tự nguyện, tự giác tuân thủ, khiến việc thực hiện còn thiên về đối phó. Chẳng hạn, trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hiện nay còn nhiều hạn chế, cụ thể nội dung giáo dục tuyên truyền pháp luật chưa sát với thực tế, các văn bản được tuyên truyền chưa thực sự được hướng dẫn, giải thích cụ thể những nội dung mà người dân, tổ chức mong muốn tìm hiểu và nắm rõ.

4. Kết luận

Qua một số ví dụ từ hoạt động quản lý nhà nước của Nhà nước Việt Nam từ năm 1945 cho đến nay, bài viết mong muốn góp phần làm rõ tầm quan trọng của chuẩn hóa trong hoạt động quản lý của các nhà nước hiện đại. Với các nhà nước hiện đại, chuẩn hóa là vấn đề có ý nghĩa sống còn và việc vẫn còn những vấn đề hoặc lĩnh vực chưa được chuẩn hóa, hoặc chuẩn hóa nhưng chưa cụ thể, đồng bộ, thống nhất, bao gồm chuẩn hóa “đối tượng quản lý” và “bộ máy, công cụ quản lý” có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả quản lý, làm chệch mục tiêu của quản lý và có thể tạo ra sự phản ứng không đồng thuận của người dân □

Chú thích:

1. Vũ Dương Ninh. *Lịch sử văn minh thế giới*. H. NXB Giáo dục, 2020.
2. James Scott 1998. *Seeing like a state*. New Haven: Yale University Press.
3. Vũ Thị Phụng và cộng sự. *Lý luận về Quản trị văn phòng*. H. NXB Đại học Quốc gia, 2021, tr. 202.
4. *Sắc lệnh 08/SL thống nhất chế độ đo lường*. <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 22/12/2023.
5. *Góc nhìn đại biểu: Việc lấy ý kiến trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cần thực chất hơn*. <https://quochoi.vn>, truy cập ngày 22/12/2023.